TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2023

"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

2. Bà Đào Đắc Cẩm Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị T, sinh năm 1973(Có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Văn X, sinh năm 1966(Có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 11 tháng 08 năm 2022, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà Trương Thị T trình bày:

Bà Trương Thị T và Phạm Văn X cưới nhau năm 1994 có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới bà và ông X chung sống hạnh phúc được 21 năm đến năm 2021 thì vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do không hợp về quan điểm sống, từ đó vợ chồng thường

hay cãi vả cùng nhau dẫn đến ông bà đã sống ly thân cùng nhau cho đến nay. Trong thời gian chung sống bà Tvà ông X có một con chung tên Phạm Văn H, sinh ngày 29/10/1998 hiện đã trưởng thành. Nay bà Trương Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn X.

- Về con chung: Hiện đã đủ 18 tuổi không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Phạm Văn X tại phiên tòa trình bày ý kiến:*

Ông và bà Trương Thị T kết hơn năm 1994 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Tú 1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến gần đây thì bà Tthay đổi tính tình, không quan tâm đến gia đình thường đi không về nhà và có các mối quan hệ bên ngoài không rõ ràng dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn hiện đã sống ly thân cùng nhau. Trong thời gian chung sống ông và bà Tcó một người con chung tên Phạm Văn H, sinh ngày 29/10/1998 hiện đã trưởng thành đang sống chung nhà cùng ông, về tài sản chung, nợ chung không có. Nay ông không đồng ý ly hôn cùng bà T, ông muốn hàn tình cảm vợ chồng để cùng nhau lo cho tương lai hạnh phúc của con. Nếu phải ly hôn thì ông yêu cầu cho ông thời gian 06 tháng để ông sắp xếp chuyện gia đình sau đó ông sẽ đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn vẫn chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng còn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Trương Thị T ly hôn với ông Phạm Văn X. Về con chung: Đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét; Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trương Thị T yêu cầu ly hôn cùng ông Phạm Văn X hiện nay, bà Tvà ông X đang có địa chỉ cư trú tại ấp Hòa Trung, xã Hòa Tú 1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị T và ông Phạm Văn X cưới nhau năm 1994 ông, bà tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã Hòa Tú 1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 155/2005 ngày 20/10/2005 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị T và ông Phạm Văn X là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn thì bà T, ông X sống hạnh phúc được năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống vợ chồng thường mâu thuẫn, bất đồng quan điểm cùng nhau, bà Tvà ông X đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà Tvà ông X đã phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân một thời gian đã lâu, từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà Tvà ông X không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị T.

[4] Đối với yêu cầu của ông Phạm Văn X về việc cho ông thời gian 06 tháng để ông sắp xếp chuyện gia đình. Tuy nhiên tại phiên tòa bà Tvẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn cùng ông X. Hội đồng xét xử xét thấy đối với yêu cầu của ông là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp.

[5] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Trương Thị T và ông Phạm Văn X có 01 người con chung tên Phạm Văn H, sinh ngày 29/10/1998 đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Không có.

[8] Lời đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Trương Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân*:* Bà Trương Thị T được ly hôn với ông Phạm Văn X.

2. Về con chung: Tên Phạm Văn H, sinh ngày 29/10/1998 đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không có.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát NDHMX;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự HMX;
- UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhiện